

Số: /2023/QĐ-UBND

Vĩnh Phúc, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định trách nhiệm và quan hệ phối hợp của các cấp, các ngành
trong thực hiện quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành chính
trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành
chính ngày 13 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của
Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 32/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày
23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 20/2016/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2016 của
Chính phủ quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2020 của
Chính phủ về kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm
hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi
phạm hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 14/2014/TT-BTP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ
trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày
23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật;*

Căn cứ Thông tư số 04/2021/TT-BTP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 về theo dõi tình hình thi hành pháp luật và Nghị định số 32/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 13/2016/TT-BTP ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định quy trình cung cấp, tiếp nhận, cập nhật thông tin và khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp.


QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định trách nhiệm và quan hệ phối hợp của các cấp, các ngành trong thực hiện quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày **5** tháng 12 năm 2023 và thay thế Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND ngày 15/5/2018 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc “*Ban hành Quy định trách nhiệm và quan hệ phối hợp của các cấp, các ngành trong việc thực hiện quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc*”.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp; Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Cục KTVB - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CPCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành; đoàn thể tỉnh;
- Báo VP, Đài PT-TH tỉnh;
- TT Tin học - Công báo tỉnh;
- Cổng Thông tin - Giao tiếp điện tử tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Các PVP UBND tỉnh;
- CVNCTH;
- Lưu: VT. 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Vũ Chí Giang

QUY ĐỊNH

Trách nhiệm và quan hệ phối hợp của các cấp, các ngành trong thực hiện quản lý Nhà nước về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 41 /2023/QĐ-UBND
ngày 24 / 11/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Quy định này quy định về nguyên tắc phối hợp, hình thức phối hợp, nội dung phối hợp, trách nhiệm phối hợp của các cấp, các ngành, tổ chức, cá nhân có liên quan trong quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

- Khách quan, dân chủ, công khai, minh bạch.
- Hoạt động phối hợp toàn diện, chặt chẽ, đồng bộ, thường xuyên, thống nhất, kịp thời và hiệu quả.
- Phối hợp trong quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành chính phải trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị; không được cản trở, gây khó khăn cho các cơ quan, đơn vị có liên quan trong quá trình phối hợp.
- Thực hiện đúng quy trình giải quyết công việc trong mối quan hệ phối hợp, bảo đảm đúng tiến độ thời gian, không đùn đẩy, né tránh trách nhiệm.
- Huy động sự tham gia của các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp và nhân dân.

Điều 3. Hình thức phối hợp

- Trao đổi ý kiến bằng văn bản hoặc cung cấp thông tin bằng văn bản theo yêu cầu của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, tổ chức, cá nhân có liên quan.
- Tổ chức họp liên ngành.
- Thành lập đoàn kiểm tra liên ngành để kiểm tra tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Điều 4. Nội dung phối hợp

1. Phối hợp trong thực hiện quản lý Nhà nước về xử lý vi phạm hành chính.
2. Phối hợp trong công tác xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính.

Chương II

NỘI DUNG, TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP TRONG THỰC HIỆN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Điều 5. Phối hợp trong việc xây dựng, hoàn thiện và tổ chức thực hiện, theo dõi tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (UBND cấp huyện) có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo thực hiện các quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính, các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành và các văn bản chỉ đạo của cơ quan, người có thẩm quyền trong xử lý vi phạm hành chính theo phạm vi, lĩnh vực quản lý của ngành, địa phương.

b) Thường xuyên rà soát các văn bản quy phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính do cơ quan nhà nước cấp trên ban hành để xác định nội dung đề xuất Hội đồng nhân dân (HĐND), Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành văn bản quy phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

c) Thường xuyên rà soát, đánh giá tính khả thi của các văn bản quy phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính để kịp thời phát hiện các quy định không khả thi, không phù hợp với thực tiễn hoặc chồng chéo, mâu thuẫn để sửa đổi, bổ sung hoặc kiến nghị hình thức xử lý, gửi về Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

2. Sở Tư pháp tổng hợp các kiến nghị về những vướng mắc trong thực tiễn thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh, báo cáo đề xuất với UBND tỉnh hoặc cơ quan có thẩm quyền xem xét, hướng dẫn để nâng cao hiệu quả công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Điều 6. Phối hợp trong thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện có trách nhiệm:

a) Xác định nhu cầu tập huấn, phổ biến pháp luật về xử lý vi phạm hành chính đối với từng lĩnh vực và đối tượng cụ thể; đối chiếu với các hoạt động, nội dung, hình thức, đối tượng tập huấn, phổ biến pháp luật đã được thực hiện; đánh giá tính đầy đủ, kịp thời, phù hợp của chương trình tập huấn, phổ biến pháp luật, tác động của công tác tập huấn, phổ biến pháp luật về xử lý vi phạm hành chính đến mức độ nhận thức và ý thức tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, công dân; kiến nghị thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác phổ biến, tập huấn pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, gửi Sở Tư pháp để theo dõi, tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp, Sở Nội vụ và các cơ quan có liên quan tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ pháp luật về xử lý vi phạm hành chính cho người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính và cán bộ, công chức tham mưu trong công tác xử lý vi phạm hành chính để việc áp dụng các quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính được đầy đủ, chính xác.

2. Sở Tư pháp tham mưu cho UBND tỉnh nghiên cứu, biên soạn tài liệu hoặc thu thập, tổng hợp các tài liệu đã phát hành phục vụ công tác phổ biến, tập huấn, bồi dưỡng pháp luật về xử lý vi phạm hành chính đảm bảo về nội dung, phù hợp với từng đối tượng cụ thể.

3. Đài Phát thanh và Truyền hình Vĩnh Phúc, Báo Vĩnh Phúc, Cổng Thông tin - Giao tiếp điện tử Vĩnh Phúc có trách nhiệm:

Phối hợp với Sở Tư pháp và các cơ quan liên quan trong công tác phổ biến, tuyên truyền pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; dành thời lượng thích hợp đăng tải, đưa tin kịp thời về tình hình thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính; cung cấp ý kiến phản ánh của dư luận xã hội về tình hình thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính đến các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền bằng các hình thức phù hợp.

Điều 7. Phối hợp trong công tác kiểm tra, thanh tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh; Phòng Tư pháp chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu cho Chủ tịch UBND cấp huyện thực hiện kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn huyện, thành phố theo Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12/02/2020 của Chính phủ kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, Thông tư

số 14/2021/TT-BTP ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12/02/2020 của Chính phủ kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành căn cứ chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực được phân công tiến hành kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo ngành, lĩnh vực; có trách nhiệm cử người tham gia đoàn kiểm tra liên ngành tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính khi có đề nghị của Sở Tư pháp.

3. Việc phối hợp thanh tra thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính giữa Sở Tư pháp với các cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện được thực hiện trong trường hợp có kiến nghị, phản ánh của cá nhân, tổ chức, báo chí về việc áp dụng quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 8. Phối hợp trong xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu của tỉnh về xử lý vi phạm hành chính

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm tham mưu, giúp UBND tỉnh:

a) Phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức việc cập nhật thông tin và thường xuyên kiểm tra về độ chính xác, toàn vẹn các thông tin, dữ liệu; bảo đảm kết nối an toàn, tích hợp dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc bảo đảm an toàn Tài khoản quản trị Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính được cấp.

c) Đề xuất với UBND tỉnh việc bố trí kinh phí thường xuyên cho hoạt động, đầu tư cơ sở vật chất, nhân lực đảm bảo cho việc phối hợp xây dựng, quản lý và duy trì Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính; bảo đảm kinh phí thực hiện việc cập nhật thông tin, đào tạo sử dụng và duy trì, vận hành hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính tại các cơ quan, đơn vị trong phạm vi địa phương thuộc thẩm quyền quản lý của mình.

2. Cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, Tòa án nhân dân có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính, cơ quan thi hành quyết định xử phạt, thi hành quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt, cơ quan thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính có trách nhiệm cung cấp, cập nhật thông tin, kết quả xử lý vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền, phạm vi quản lý đến Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính theo quy định Khoản 6, Điều 17 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 được sửa đổi, bổ sung tại Điểm c Khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020.

Điều 9. Phối hợp trong báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và các cơ quan Trung ương tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của mình gửi về Sở Tư pháp trước ngày 18 tháng 12 hàng năm, để Sở Tư pháp tổng hợp, trình UBND tỉnh báo cáo Bộ Tư pháp.

(Thời gian chốt số liệu đối với báo cáo hàng năm: Tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo. Mẫu đề cương báo cáo và biểu mẫu số liệu báo cáo thực hiện theo Thông tư số 01/2023/TT-BTP ngày 16/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chế độ báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính).

2. Ngoài các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều này:

a) *Công an tỉnh có trách nhiệm:* Báo cáo tình hình áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn; đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc.

b) *Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm:* Báo cáo tình hình áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Điều 10. Phối hợp trong việc bảo đảm các điều kiện để thực hiện quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành chính

1. Sở Nội vụ có trách nhiệm

Chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp và UBND cấp huyện tham mưu cho UBND tỉnh trong việc kiện toàn tổ chức, bố trí nhân sự thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành chính theo Quyết định số 1950/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án xây

dụng tổ chức, bộ máy, biên chế triển khai thực hiện quản lý thống nhất công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính của Bộ Tư pháp, các Bộ, các cơ quan ngang Bộ và các cơ quan tư pháp địa phương và Thông tư số 07/2020/TT-BTP ngày 21/12/2020 của Bộ Tư pháp hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm

Phối hợp với Sở Tư pháp và UBND cấp huyện trong việc bảo đảm kinh phí, cơ sở vật chất, kỹ thuật cho công tác quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành chính và tổ chức triển khai thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Chương III

PHỐI HỢP TRONG CÔNG TÁC XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ ÁP DỤNG BIỆN PHÁP XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Điều 11. Phối hợp trong phát hiện hành vi vi phạm hành chính

1. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính; Chủ tịch UBND cấp huyện; Chủ tịch UBND các xã, phường thị trấn (UBND cấp xã) phải có kế hoạch, các biện pháp phù hợp để kịp thời phát hiện hành vi vi phạm hành chính thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý của ngành, địa phương.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác khi phát hiện hành vi vi phạm hành chính có trách nhiệm thông báo ngay bằng hình thức phù hợp cho những người có thẩm quyền tại khoản 1 Điều này để kịp thời xử lý theo quy định.

Điều 12. Phối hợp trong lập biên bản vi phạm hành chính

1. Khi phát hiện vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực quản lý của mình, người có thẩm quyền đang thi hành công vụ phải kịp thời lập biên bản vi phạm hành chính đảm bảo theo quy định tại khoản 1 Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020; khoản 4 Điều 6, khoản 1 Điều 12 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Biên bản vi phạm hành chính phải bao gồm các nội dung theo quy định tại Khoản 2 Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020); khoản 4 Điều 12 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Việc giao Biên bản vi phạm hành chính thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020; khoản 6 Điều 12 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính để xử lý người vi phạm theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Phối hợp trong ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính

1. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về đề xuất, kiến nghị về nội dung, hình thức xử phạt vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham mưu cho người có thẩm quyền ra quyết định xử phạt có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức đề xuất xử phạt cung cấp hồ sơ, tài liệu của tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính.

3. Người có thẩm quyền quyết định xử phạt khi quyết định xử phạt vi phạm hành chính bảo đảm tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính, các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.

4. Việc ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trên cơ sở biên bản vi phạm hành chính đã lập đối với cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính (trừ trường hợp xử phạt không lập biên bản theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012).

5. Việc ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính phải trong thời hạn ra quyết định xử phạt theo quy định tại Điều 66 của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 34 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020.

6. Khi ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đảm bảo nội dung theo quy định tại Điều 68 của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 được sửa đổi, bổ sung tại điểm đ khoản 72 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020, sử dụng đúng mẫu quyết định ban hành kèm theo Nghị định số 118/2021/NĐ-CP.

7. Việc quyết định xử phạt vi phạm hành chính cần được thực hiện phù hợp về đối tượng vi phạm và tính chất, mức độ của hành vi vi phạm, cụ thể:

- a) Xác định rõ hành vi vi phạm hành chính của cá nhân hay tổ chức.
- b) Xác định rõ tính chất, mức độ của hành vi vi phạm hành chính.

8. Khi quyết định xử phạt vi phạm hành chính phải quyết định việc xử lý tang vật vi phạm hành chính (nếu có) và phải áp dụng hình phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính trong trường hợp pháp luật quy định.

9. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính sau khi ban hành được gửi cho cá nhân, tổ chức bị xử phạt, cơ quan thu tiền phạt và cơ quan liên quan khác (nếu có) theo quy định tại Điều 70 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012. Việc gửi quyết định xử phạt vi phạm hành chính phải được thể hiện trong hồ sơ vụ việc.

Điều 14. Phối hợp trong tổ chức thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính

1. Sau khi gửi quyết định xử phạt cho cá nhân, tổ chức bị xử phạt, người có thẩm quyền ban hành quyết định xử phạt chỉ đạo các bộ phận liên quan tích cực đôn đốc hoặc có các biện pháp thích hợp để tổ chức thi hành quyết định. Việc đôn đốc thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính phải được thể hiện bằng văn bản trong hồ sơ vụ việc.

2. Sau khi đã tuyên truyền, vận động, giải thích mà cá nhân, tổ chức bị xử phạt vẫn không tự nguyện chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, người có thẩm quyền ra quyết định xử phạt phối hợp với cơ quan, người có thẩm quyền liên quan tổ chức cưỡng chế buộc chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định pháp luật.

3. Các cơ quan liên quan khi nhận được đề nghị phối hợp thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính và quyết định cưỡng chế phải có trách nhiệm phối hợp tham gia, không được gây trở ngại, khó khăn cho cơ quan đề nghị phối hợp.

Điều 15. Phối hợp trong áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính

1. Công an tỉnh chỉ đạo việc thu thập tài liệu trong hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính theo quy định của pháp luật và phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan để hoàn thiện hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính. Chỉ đạo các đơn vị thuộc Công an tỉnh, Công an các huyện, thành phố phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Tòa án nhân dân huyện, thành phố; UBND xã, phường, thị trấn và các cơ quan có liên quan trong việc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính.

2. UBND cấp huyện chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ động kiểm tra, xem xét, quyết định việc chuyển hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân

cấp huyện áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Chỉ đạo UBND cấp xã nghiên cứu các quy định pháp luật về áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn; áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng; áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc; áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đảm bảo thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành

Thường xuyên phối hợp chặt chẽ với Sở Tư pháp và các cơ quan liên quan để thực hiện tốt các nội dung của công tác quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành chính theo quy định pháp luật và Quy định này.

Điều 17. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

1. Chủ trì chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch hoặc đề xuất nội dung phối hợp liên ngành trong quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh.

2. Theo dõi, đôn đốc, đánh giá thực hiện Quy định này; là cơ quan đầu mối tiếp nhận báo cáo của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện; giúp UBND tỉnh thực hiện công tác báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn theo quy định của pháp luật và yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Điều 18. Trách nhiệm của UBND cấp huyện

1. Chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 17 của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020, Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ và kế hoạch hàng năm của UBND tỉnh.

2. Phối hợp với Sở Tư pháp và các cơ quan liên quan triển khai thực hiện quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật và kế hoạch của UBND tỉnh.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cấp, các ngành kịp thời phản ánh về Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.